HỘI ĐỒNG PHỐI HỢP PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT HUYỆN CỦ CHI

TỜ GẤP TUYÊN TRUYỀN LUẬT THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

Luật Thi hành án dân sự được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam Khoá XII, kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 14/11/2008. Với IX Chương, 183 Điều, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2009; đã được sửa đổi, bổ sung một số Điều tại kỳ họp thứ 8 Quốc hội khóa XIII thông qua ngày 25/11/2014; đã sửa đổi bổ sung một số điều tại kỳ họp bất thường lần thứ nhất Quốc hội khóa XV thông qua ngày 11/01/2022 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/3/2022.

Nhằm tuyên truyền Luật Thi hành án dân sự đến cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và nhân dân trên địa bàn huyện hiểu các quy định của pháp luật về thi hành án dân sự. Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật huyện Củ Chi biên soạn tài liệu trích dẫn Luật Thi hành án dân sự năm 2008, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự dùng làm tài liệu phổ biến tuyên truyền pháp luật, giúp cho công tác thi hành án dân sự được thuận lợi, hiệu quả. Sau đây là trích một số nội dung của Luật Thi hành án dân sự.

Phần thứ 1: Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Chi cục Thi hành án dân sự và của Chấp hành viên:

Nhiệm vụ, quyền hạn của Chi cục Thi hành án dân sự và của Chấp hành viên:

- Chi cục Thi hành án dân sự cấp huyện là cơ quan tổ chức thi hành các bản án, quyết định của Tòa án theo thẩm quyền trên địa bàn một huyện, thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi là cơ quan tổ chức thi hành các bản án của Tòa án theo thẩm quyền trên địa bàn huyện Củ Chi, được quy định tại khoản 1, điều 35 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014:

"a) Bản án, quyết định sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và tương đương nơi cơ quan thi hành án dân sự có trụ sở;

b) Bản án, quyết định phúc thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đối với bản án, quyết định sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và tương đương nơi cơ quan thi hành án dân sự cấp huyện có trụ sở;

c) Quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm của Tòa án nhân dân cấp cao đối với bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và tương đương nơi cơ quan thi hành án dân sự có trụ sở;

d) Bản án, quyết định do cơ quan thi hành án dân sự cấp huyện nơi khác, cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh hoặc cơ quan thi hành án cấp quân khu ủy thác".

- Chấp hành viên có nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại điều 20 Luật Thi hành án dân sự:

"1. Kịp thời tổ chức thi hành vụ việc được phân công; ra các quyết định về thi hành án theo thẩm quyền.

2. Thi hành đúng nội dung bản án, quyết định; áp dụng đúng các quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục thi hành án, bảo đảm lợi ích của nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; thực hiện nghiêm chỉnh chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp Chấp hành viên.

3. Triệu tập đương sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để giải quyết việc thi hành án.

4. Xác minh tài sản, điều kiện thi hành án của người phải thi hành án; yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp tài liệu để xác minh địa chỉ, tài sản của người phải thi hành án hoặc phối hợp với cơ quan có liên quan xử lý vật chứng, tài sản và những việc khác liên quan đến thi hành án.

5. Quyết định áp dụng biện pháp bảo đảm thi hành án, biện pháp cưỡng chế thi hành án; lập kế hoạch cưỡng chế thi hành án; thu giữ tài sản thi hành án.

6. Yêu cầu cơ quan Công an tạm giữ người chống đối việc thi hành án theo quy định của pháp luật.

7. Lập biên bản về hành vi vi phạm pháp luật về thi hành án; xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền; kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người vi phạm.

8. Quyết định áp dụng biện pháp cưỡng chế để thu hồi tiền, tài sản đã chi trả cho đương sự không đúng quy định của pháp luật, thu phí thi hành án và các khoản phải nộp khác.

9. Được sử dụng công cụ hỗ trợ trong khi thi hành công vụ theo quy định của Chính phủ.

10.Thực hiện nhiệm vụ khác theo sự phân công của Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự.

Khi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Chấp hành viên phải tuân theo pháp luật, chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thi hành án và được

pháp luật bảo vệ tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm và uy tín.

Phần thứ 2: Việc tự nguyện thi hành án, cưỡng chế thi hành án và cưỡng chế có huy động lực lượng.

Theo quy định tại Điều 9 Luật thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì tự nguyện thi hành án là một trong hai biện pháp thi hành án dân sự, cụ thể như sau:

1. Nhà nước khuyến khích đương sự tự nguyện thi hành án

2. Người phải thi hành án có điều kiện thi hành án mà không tự nguyện thi hành thì bị cưỡng chế thi hành án theo qui định của luật.

Tự nguyện thi hành án là gì?

Tự nguyện thi hành án là việc xuất phát từ các bên đương sự, nhằm thực hiện quyền, nghĩa vụ dân sự đã được bản án, quyết định ghi nhận, thể hiện ý chí và sự mong muốn của các đương sự. Mặt khác, tự nguyện thi hành án còn là một biện pháp của Chấp hành viên được áp dụng trong suốt quá trình thi hành án.

Kết quả của tự nguyện thi hành án là tiền đề, cơ sở và là căn cứ để Chấp hành viện áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành án nếu đương sự không tự nguyện thi hành án. Tự nguyện thi hành án là biện pháp đầu tiên, quan trọng để các Chấp hành viên thi hành bản án, quyết định trên thực tế.

Chủ thể của biện pháp tự nguyện thi hành án không chỉ là người thi hành án, người phải thi hành án mà còn có thể là người có quyền và nghĩa vụ liên quan.

Thời hạn tự nguyện thi hành án dân sự

Theo Khoản 1 Điều 45 Luật thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) về thời hạn tự nguyện thi hành án thì:

Thời hạn tự nguyện thi hành án là 10 ngày, kể từ ngày người phải thi hành án nhận được hoặc được thông báo hợp lệ quyết định thi hành án.

Theo đó, thời hạn tự nguyện thi hành án 10 ngày, kể từ ngày người phải thi hành án nhận được hoặc được thông báo hợp lệ quyết định thi hành án. Sau 10 ngày, nếu người phải thi hành án không tự nguyện thi hành án và không có lý do chính đáng thì buộc phải cưỡng chế thi hành án dân sự.

Nếu hết thời hạn tự nguyện thi hành án (10 ngày kể từ ngày nhận được hoặc được thông báo hợp lệ) người phải thi hành án có điều kiện thi hành án mà không tự nguyện thi hành án thì bị cưỡng chế được qui định tại khoản 1, Điều 46 Luật thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Phần thứ 3: Các chi phí cưỡng chế có huy động lực lượng:

Theo quy định tại điều 46 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người phải thi hành án đã hết thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định thi hành án hoặc được thông báo hợp lệ quyết định thi hành án có điều kiện thi hành án nhưng không tự nguyện thi hành thì bị cưỡng chế thi hành án chi phí cưỡng chế do người phải thi hành án chịu. Chi phí cưỡng chế thi hành án được quy định tại Điều 73 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014, Điều 43 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự số 26/2008/QH12 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự số 64/2014/QH13 về thủ tục thi hành án dân sự, Điều 4, 5, 6 Thông tư số 200/2016/TT-BTC ngày 09/10/2016 của Bộ Tài chính quy định về cơ chế quản lý tài chính về kinh phí cưỡng chế thi hành án dân sự và việc lập, quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí bảo đảm hoạt động của cơ quan thi hành án dân sự, cụ thể như sau:

1. Chi phí thông báo về cưỡng chế:

a) Chi phí thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng (truyền hình, đài phát thanh, báo chí);

b) Chi bồi dưỡng cho những người trực tiếp thực hiện thông báo cưỡng chế thi hành án (cán bộ thi hành án, đại diện chính quyền địa phương, đại diện tổ chức xã hội và các thành phần khác).

2. Chi phí mua nguyên liệu, nhiên liệu; thuê phương tiện, thiết bị bảo vệ, y tế, phòng, chống cháy, nổ, các thiết bị, phương tiện cần thiết khác cho việc cưỡng chế thi hành án.

3. Chi phí cho việc định giá, định giá lại tài sản, giám định tài sản, bán đấu giá tài sản:

a) Chi phí định giá, định giá lại tài sản:

- Chi phí thẩm định giá, thẩm định giá lại tài sản: Giá dịch vụ thẩm định giá, thẩm định giá lại tài sản theo hợp đồng dịch vụ với tổ chức thẩm định giá.

- Chi phí liên quan đến việc định giá trong trường hợp Chấp hành viên thực hiện việc xác định giá tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 98 Luật Thi hành án dân sự số 26/2008/QH12.

b) Chi bồi dưỡng cho các thành viên họp xác định giá, xác định giá lại tài sản;

c) Chi giám định tài sản: Chi phí giám định tài sản và một số khoản chi thực tế hợp pháp để thực hiện việc giám định tài sản;

d) Chi phí bán đấu giá tài sản:

- Phí bán đấu giá theo quy định và các chi phí thực tế, hợp lý cho việc bán đấu giá trong trường hợp cơ quan thi hành án dân sự ủy quyền cho tổ chức bán đấu giá tài sản.

- Tiền thuê địa điểm, phương tiện phục vụ tổ chức bán đấu giá, niêm yết, thông báo công khai việc bán đấu giá tài sản trong trường hợp cơ quan

thi hành án dân sự trực tiếp tổ chức tiến hành bán đấu giá tài sản để thi hành án.

4. Chi phí cho việc thuê, trông coi, bảo quản tài sản; chi phí bốc dỡ, vận chuyển tài sản; chi phí thuê nhân công và khoản chi phục vụ cho việc xây ngăn, phá dỡ; chi thuê đo đạc, xác định mốc giới để thực hiện việc cưỡng chế thi hành án.

5. Chi phí cho việc tạm giữ, thu giữ tài sản, giấy tờ, tài liệu:

a) Chi thuê phương tiện, thiết bị bảo vệ, thuê địa điểm và các khoản chi phí thực tế hợp pháp khác phục vụ trực tiếp cho việc thực hiện biện pháp bảo đảm tạm giữ, thu giữ tài sản, giấy tờ, tài liệu;

b) Chi bồi dưỡng cho các đối tượng trực tiếp thực hiện quyết định áp dụng biện pháp bảo đảm tạm giữ, thu giữ tài sản, giấy tờ, tài liệu.

6. Chi tiền bồi dưỡng cho những người trực tiếp tham gia cưỡng chế và bảo vệ cưỡng chế thi hành án quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 43 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Thi hành án dân sự (sau đây gọi tắt là Nghị định số 62/2015/NĐ-CP).

7. Chi phí kê biên, xử lý tài sản quy định tại khoản 4, Điều 17, Nghị định số 62/2015/NĐ-CP tương ứng với tỷ lệ số tiền, tài sản mà họ thực nhận.

8. Các khoản chi phí khác do pháp luật quy định phục vụ cho cưỡng chế.

Các chi phí khác ví dụ một số chi phí cụ thể như sau: chi phí định vị tọa độ cắm ranh mỗi một điểm theo quy định là 500.000 đồng, đối với tài sản là Quyền sử dụng đất chưa có ranh cụ thể thì ít nhất phải xác định từ 4 cho đến 6 điểm rất tốn chi phí cho người phải thi hành án.

Do vậy, khi có bản án của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật thì người phải thi hành án nên chấp hành nghiêm nội dung bản án và Quyết định thi hành án của cơ quan thi hành án có thẩm quyền trách trường hợp phải bị áp dụng biện pháp cưỡng chế có huy động lực lượng.

Phần thứ 4: **Nộp án phí hình sự sơ thẩm để có cơ sở xét giảm hình phạt tù, xóa án tích, lập lý lịch tư pháp của công dân:**

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi là cơ quan tổ chức thi hành các bản án của Tòa án theo thẩm quyền trên địa bàn huyện Củ Chi, được quy định tại khoản 1, điều 35 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014:

"a) Bản án, quyết định sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và tương đương nơi cơ quan thi hành án dân sự có trụ sở;

b) Bản án, quyết định phúc thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đối với bản án, quyết định sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và tương đương nơi cơ quan thi hành án dân sự cấp huyện có trụ sở;

c) Quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm của Tòa án nhân dân cấp cao đối với bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và tương đương nơi cơ quan thi hành án dân sự có trụ sở;

d) Bản án, quyết định do cơ quan thi hành án dân sự cấp huyện nơi khác, cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh hoặc cơ quan thi hành án cấp quân khu ủy thác".

Kể từ khi bản án hình sự sơ thẩm hay bản án hình sự phúc thẩm thì người phải thi hành án hay người nhà của người phải thi hành án trong các bản án có thể nộp án phí và các hình phạt bổ sung như: nộp Phạt, truy thu thu lợi bất chính để sung công quỹ nhà nước theo Quyết định của Bản án.

Theo Điều 53 Luật thi hành án dân sự quy định "Đương sự có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xác nhận kết quả thi hành án."

Theo Điều 37 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 quy định: "Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự xác nhận bằng văn bản về kết quả thực hiện quyền, nghĩa vụ thi hành án của đương sự theo quyết định thi hành án khi có yêu cầu của đương sự hoặc thân nhân của họ."

Quyền lợi của người phải thi hành án được hưởng khi thực hiện xong các nghĩa vụ của mình:

+ Nộp án phí hình sự sơ thẩm để có cơ sở xét giảm hình phạt tù: Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 ngày 27 tháng 11 năm 2015, có hiệu lực vào ngày 1/7/2016, có quy định cụ thể về việc tha tù trước thời hạn, trong đó việc thực hiện nghĩa vụ nộp án phí và các hình phạp bổ sung là 1 trong 7 điều kiện mà luật quy định tại điều 66 của bộ luật này.

+ Nộp án phí hình sự sơ thẩm để xóa án tích, lập lý lịch tư pháp của công dân: Lý lịch tư pháp là giấy tờ chứng minh anh/chị có hay chưa có tiền án, tiền sự do Sở Tư pháp xác nhận, trên giấy này thể hiện đã xóa án tích hay vẫn hiển thị án tích căn cứ vào thời gian đã thực hiện nghĩa vụ nộp án phí và các hình phạt bổ sung.

Phần thứ 5: **Thi hành một phần nghĩa vụ nộp tiền để xét miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án đối với các trường hợp chưa có điều kiện thi hành án.**

Việc miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án đóng vai trò rất quan trọng, giúp người dân được miễn, giảm một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ thi hành án. Đây là chính sách và chủ trương của Nhà nước ta giúp người dân thực hiện xong nghĩa vụ thi hành án, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người dân.

1. Điều kiện miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án đối với khoản thu nộp ngân sách nhà nước(Quy định tại Điều 61 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Người dân cần có các điều kiện sau đây để được xét miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án:

- Xét miễn nghĩa vụ thi hành án cần có các điều kiện:

+ Không có tài sản hoặc có tài sản nhưng tài sản đó theo quy định của pháp luật không được xử lý để thi hành án hoặc không có thu nhập hoặc có thu nhập chỉ bảo đảm cuộc sống tối thiểu cho người phải thi hành án và người mà họ có trách nhiệm nuôi dưỡng;

+ Hết thời hạn 05 năm, kể từ ngày ra quyết định thi hành án đối với khoản thu nộp ngân sách nhà nước có giá trị dưới 2.000.000 đồng hoặc hết thời hạn 10 năm, kể từ ngày ra quyết định thi hành án đối với khoản thu nộp ngân sách nhà nước có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 5.000.000 đồng.

- Người dân đã thi hành được một phần khoản thu nộp ngân sách nhà nước được xét miễn thi hành phần nghĩa vụ còn lại khi có đủ các điều kiện:

+ Thuộc các trường hợp trên;

+ Hết thời hạn 05 năm, kể từ ngày ra quyết định thi hành án mà phần nghĩa vụ còn lại có giá trị dưới 5.000.000 đồng hoặc hết thời hạn 10 năm, kể từ ngày ra quyết định thi hành án mà phần nghĩa vụ còn lại có giá trị từ 5.000.000 đồng đến dưới 10.000.000 đồng.

- Người dân đã thi hành được một phần khoản thu nộp ngân sách nhà nước được xét giảm một phần nghĩa vụ thi hành án khi có một trong các điều kiện:

+ Hết thời hạn 05 năm, kể từ ngày ra quyết định thi hành án mà phần nghĩa vụ còn lại có giá trị từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, mỗi lần giảm không quá một phần tư số tiền còn lại phải thi hành án;

+ Hết thời hạn 10 năm, kể từ ngày ra quyết định thi hành án mà phần nghĩa vụ còn lại có giá trị từ trên 100.000.000 đồng, mỗi lần giảm không quá một phần năm số tiền còn lại phải thi hành án nhưng tối đa không quá 50.000.000 đồng.

- Người dân đã tích cực thi hành được một phần án phí, tiền phạt nhưng lâm vào hoàn cảnh kinh tế đặc biệt khó khăn kéo dài do thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn hoặc ốm đau gây ra mà không thể tiếp tục thi hành được phần nghĩa vụ còn lại hoặc lập công lớn thì được xét miễn thi hành phần nghĩa vụ còn lại.

+ Người phải thi hành án lâm vào hoàn cảnh kinh tế đặc biệt khó khăn kéo dài là người bị giảm sút hoặc mất thu nhập, mất toàn bộ hoặc phần lớn tài sản do tai nạn, ốm đau, thiên tai, hỏa hoạn hoặc sự kiện bất khả kháng khác dẫn đến không đảm bảo hoặc chỉ đảm bảo được cuộc sống tối thiểu cho bản thân người đó và người mà họ có trách nhiệm nuôi dưỡng từ mười hai tháng trở lên, kể từ thời điểm xảy ra sự kiện đó đến thời điểm xét miễn, giảm thi hành án.

+ Người phải thi hành án lập công lớn là người đã có hành động giúp cơ quan nhà nước có thẩm quyền phát hiện, truy bắt, điều tra tội phạm; cứu được người khác trong tình thế hiểm nghèo hoặc cứu được tài sản của Nhà nước, của tập thể, của công dân trong thiên tai, hỏa hoạn hoặc sự kiện bất khả kháng khác; có phát minh, sáng chế hoặc sáng kiến có giá trị lớn được các cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận.

- Người dân chỉ được xét miễn hoặc giảm một lần trong 01 năm đối với mỗi bản án, quyết định.

Khoản 1, Điều 4, Thông tư liên tịch số 12/2015/TTLT-BTP-BTC-TANDTC-VKSNDTC ngày 15/9/2015 của Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao hướng dẫn việc miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án đối với khoản thu, nộp ngân sách nhà nước quy định: thi hành được một phần khoản thu, nộp ngân sách nhà nước hoặc một phần án phí là đã thi hành được ít nhất bằng một phần năm mươi khoản thu, nộp ngân sách nhà nước hoặc khoản án phí phải thi hành theo bản án, quyết định của Tòa án.

Do vậy, người dân cần đóng tiền bằng một phần năm mươi khoản phải thi hành thì có thể được xét miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án.

- Ngoài ra, người dân cần làm đơn xin xét miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án trong trường hợp lâm vào hoàn cảnh kinh tế đặc biệt khó khăn kéo dài do thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn hoặc ốm đau gây ra mà không thể tiếp tục thi hành được phần nghĩa vụ còn lại hoặc lập công lớn để được xem xét miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án.

2. Lợi ích của xét miễn giảm nghĩa vụ thi hành án

- Đương sự chấp hành án hình sự được xóa án tích.

- Chấm dứt nghĩa vụ thi hành án của người phải thi hành án, trả lại các quyền của công dân như: quyền được xuất cảnh; quyền về tài khoản; quyền sở hữu, sử dụng, thay đổi hiện trạng tài sản của mình.v.v…

Xét miễn giảm nghĩa vụ thi hành án của người phải thi hành đối với các trường hợp chưa có điều kiện thi hành án thể hiện chính sách khoan hồng của Nhà nước và pháp luật Việt Nam ta. Đây là chủ trương đồng thời là nhiệm vụ cấp thiết của Nhà nước để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người dân. Xét miễn giảm nghĩa vụ thi hành án thể hiện tính ưu việt của Nhà nước xã hội chủ nghĩa, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Mọi ý kiến, thắc mắc vui lòng liên hệ Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi, địa chỉ: đường Phạm Thị Hối, Khu phố 7, thị trấn Củ Chi, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh. Số điện thoại: 0283.792.4167./.

.